

**CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ LẠNH AN PHÁT**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ LẠNH AN PHÁT

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: AN PHAT REFRIGERATION EQUIPMENT  
JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: AN PHAT REF ., JSC

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0107778219

**3. Ngày thành lập:** 27/03/2017

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Nhà 2, ngõ 401/21 đường Xuân Đình, Phường Xuân Đình, Quận Bắc Từ Liêm,  
Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại:

Fax:

Email:

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                               | Mã ngành |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|
| 1.  | Hoàn thiện công trình xây dựng                                                                                                                                          | 4330     |
| 2.  | Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác                                                                                                                                     | 4390     |
| 3.  | Bán buôn tổng hợp                                                                                                                                                       | 4690     |
| 4.  | Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh | 4759     |
| 5.  | Sản xuất thiết bị điện khác                                                                                                                                             | 2790     |
| 6.  | Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                        | 4771     |
| 7.  | Sửa chữa thiết bị nghe nhìn điện tử gia dụng                                                                                                                            | 9521     |
| 8.  | Sản xuất, phân phối hơi nước, nước nóng, điều hoà không khí và sản xuất nước đá                                                                                         | 3530     |
| 9.  | Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hoà không khí                                                                                                         | 4322     |
| 10. | Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại                                                                                                                            | 2592     |
| 11. | Sản xuất đồ điện dân dụng                                                                                                                                               | 2750     |
| 12. | Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông                                                                                                                      | 4652     |
| 13. | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác                                                                                                                         | 4659     |
| 14. | Sản xuất sản phẩm điện tử dân dụng                                                                                                                                      | 2640     |
| 15. | Sửa chữa các sản phẩm kim loại đúc sẵn                                                                                                                                  | 3311     |
| 16. | Sửa chữa máy móc, thiết bị                                                                                                                                              | 3312     |
| 17. | Sửa chữa thiết bị điện                                                                                                                                                  | 3314     |
| 18. | Sửa chữa thiết bị khác                                                                                                                                                  | 3319     |
| 19. | Thu gom rác thải không độc hại                                                                                                                                          | 3811     |

|     |                                                                                                      |             |
|-----|------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 20. | Thu gom rác thải độc hại                                                                             | 3812        |
| 21. | Tái chế phế liệu                                                                                     | 3830        |
| 22. | Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác                                                           | 4290        |
| 23. | Lắp đặt hệ thống điện                                                                                | 4321        |
| 24. | Lắp đặt hệ thống xây dựng khác                                                                       | 4329        |
| 25. | Bán buôn kim loại và quặng kim loại                                                                  | 4662        |
| 26. | Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng                                              | 4663        |
| 27. | Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp                                                              | 3320(Chính) |
| 28. | Bán lẻ trò chơi, đồ chơi trong các cửa hàng chuyên doanh                                             | 4764        |
| 29. | Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh              | 4772        |
| 30. | Sửa chữa thiết bị, đồ dùng gia đình                                                                  | 9522        |
| 31. | Sản xuất máy nông nghiệp và lâm nghiệp                                                               | 2821        |
| 32. | Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh | 4752        |
| 33. | Bán lẻ thảm, đệm, chăn, màn, rèm, vật liệu phủ tường và sàn trong các cửa hàng chuyên doanh          | 4753        |
| 34. | Bán lẻ sách, báo, tạp chí văn phòng phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh                             | 4761        |
| 35. | Bán lẻ băng đĩa âm thanh, hình ảnh (kể cả băng, đĩa trắng) trong các cửa hàng chuyên doanh           | 4762        |
| 36. | Bán lẻ thiết bị, dụng cụ thể dục, thể thao trong các cửa hàng chuyên doanh                           | 4763        |
| 37. | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp                                               | 4653        |
| 38. | Sản xuất các cấu kiện kim loại                                                                       | 2511        |
| 39. | Sản xuất thùng, bể chứa và dụng cụ chứa đựng bằng kim loại                                           | 2512        |
| 40. | Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đâu                                          | 2599        |
| 41. | Sản xuất thiết bị truyền thông                                                                       | 2630        |
| 42. | Xây dựng nhà các loại                                                                                | 4100        |

**6. Vốn điều lệ:** 2.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

**7. Số cổ phần được quyền chào bán:**

**8. Cổ đông sáng lập:**

| STT | Tên cổ đông        | Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức  | Loại cổ phần      | Số cổ phần | Giá trị cổ phần (VNĐ) | Tỷ lệ (%) | Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập | Ghi chú |
|-----|--------------------|---------------------------------------------------------------------------------------|-------------------|------------|-----------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
| 1   | NGUYỄN VIỆT THẢO   | Thôn Thị Cẩm, Phường Xuân Phương, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam        | Cổ phần phổ thông | 60.000     | 600.000.000           | 30,000    | 013064152                                                                                   |         |
|     |                    |                                                                                       | Tổng số           | 60.000     | 600.000.000           | 30,000    |                                                                                             |         |
|     |                    |                                                                                       |                   |            |                       |           |                                                                                             |         |
| 2   | TỔNG VĂN HẬU       | Xóm 5, Xã Kim Chính, Huyện Kim Sơn, Tỉnh Ninh Bình, Việt Nam                          | Cổ phần phổ thông | 20.000     | 200.000.000           | 10,000    | 164260509                                                                                   |         |
|     |                    |                                                                                       | Tổng số           | 20.000     | 200.000.000           | 10,000    |                                                                                             |         |
|     |                    |                                                                                       |                   |            |                       |           |                                                                                             |         |
| 3   | NGUYỄN HỒNG TRƯỜNG | Thôn 6, Xã Hoảng Kim, Huyện Hoảng Hoá, Tỉnh Thanh Hoá, Việt Nam                       | Cổ phần phổ thông | 60.000     | 600.000.000           | 30,000    | 173571054                                                                                   |         |
|     |                    |                                                                                       | Tổng số           | 60.000     | 600.000.000           | 30,000    |                                                                                             |         |
|     |                    |                                                                                       |                   |            |                       |           |                                                                                             |         |
| 4   | TRẦN GIA ĐAN       | Tổ dân phố Cáo Đình 1, Phường Xuân Đình, Quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam | Cổ phần phổ thông | 60.000     | 600.000.000           | 30,000    | 036089001003                                                                                |         |
|     |                    |                                                                                       | Tổng số           | 60.000     | 600.000.000           | 30,000    |                                                                                             |         |
|     |                    |                                                                                       |                   |            |                       |           |                                                                                             |         |

#### 9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

| STT | Tên cổ đông | Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức | Loại cổ phần | Số cổ phần | Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có) | Tỷ lệ (%) | Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức | Ghi chú |
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------|--------------|------------|-------------------------------------------------------------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------|--------------|------------|-------------------------------------------------------------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|

#### 10. Người đại diện theo pháp luật:

\* Họ và tên: TRẦN GIA ĐAN

Giới tính: Nam

Chức danh: *Giám đốc*

Sinh ngày: 17/02/1989

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: *Chứng minh nhân dân*

Số giấy chứng thực cá nhân: 036089001003

Ngày cấp: 08/12/2015

Nơi cấp: Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: *Tổ dân phố Cáo Đình 1, Phường Xuân Đình, Quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

Chỗ ở hiện tại: *Tổ dân phố Cáo Đình 1, Phường Xuân Đình, Quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

**11. Nơi đăng ký:** Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội